

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

(Công văn số 6100/UBCK-GSĐC ngày 11/10/2021
của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước)

Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI BÌNH**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp: 1000214853 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp lần đầu ngày 26/01/2010, cấp thay đổi lần thứ 4 ngày 14/7/2022.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 02, đường Trần Thủ Độ, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Điện thoại: 02273.831.632

Fax: 02273.642.015

Email: nuocsachthaibinh.jsc@gmail.com

Website: <http://capnuocthaibinh.com>

Vốn điều lệ đã góp tại ngày 31/12/2022 là: 98.500.000.000 đồng

Phụ trách công bố thông tin

Họ và tên: Phạm Văn Hùng

Chức vụ: Trưởng phòng Công nghệ thông tin

Điện thoại: 0984102966



MỤC LỤC

I. TÌNH HÌNH ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG.....	5
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Công ty.....	5
1.1. Thông tin về Công ty.....	5
1.2. Giới thiệu chứng khoán đăng ký giao dịch.....	6
1.3. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty.....	7
1.4. Quá trình thay đổi vốn điều lệ của Công ty.....	8
1.5. Thông tin cổ đông tại ngày đáp ứng điều kiện là công ty đại chúng.....	9
2. Cơ cấu tổ chức của Công ty.....	9
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty.....	11
4. Cơ cấu cổ đông.....	15
4.1. Cơ cấu cổ đông tại ngày 21/7/2023.....	15
4.2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty tại thời điểm 21/7/2023.....	16
4.3. Cơ cấu cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ.....	16
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của công ty đại chúng, những công ty mà Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty đại chúng.....	16
6. Hoạt động kinh doanh.....	16
6.1. Hoạt động sản xuất kinh doanh chính.....	16
6.2. Cơ cấu doanh thu năm 2021 và năm 2022.....	17
6.3. Nguồn cung cấp đầu vào.....	17
6.4. Trình độ công nghệ.....	18
7. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021 và năm 2022.....	18
8. Vị thế của Công ty trong ngành.....	19
8.1. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong ngành.....	19
8.2. Triển vọng phát triển của ngành.....	19
9. Chính sách đối với người lao động.....	19
9.1. Cơ cấu lao động của Công ty đến ngày 21/7/2023.....	19
9.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp.....	20
10. Chính sách cổ tức.....	20
11. Tình hình tài chính.....	21
11.1. Chính sách kế toán.....	21
11.2. Trích khấu hao tài sản cố định.....	21

Bản công bố thông tin Công ty cổ phần Nước sạch Thái Bình

11.3. Thanh toán các khoản nợ đến hạn.....	21
11.4. Các khoản phải nộp theo luật định.....	21
11.5. Trích lập các quỹ theo quy định.....	22
11.6. Tình hình công nợ.....	22
11.7. Hàng tồn kho.....	24
11.8. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	24
12. Tài sản.....	25
13. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	27
14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của công ty đại chúng.....	27
15. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh.....	28
16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty.....	29
II. QUẢN TRỊ CÔNG TY.....	29
1. Hội đồng quản trị.....	29
2. Ban kiểm soát.....	35
3. Ban Tổng giám đốc.....	39
4. Kế toán trưởng.....	41
5. Kế hoạch tăng cường quản trị Công ty.....	41
6. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ.....	41
7. Thống kê các giao dịch giữa công ty với người có liên quan theo quy định.....	52
III. PHỤ LỤC.....	53

002
CÔNG
CỐ F
ƯƯỚC
THÁI
BÌNH

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BCTC	:	Báo cáo Tài chính
DHĐCĐ	:	Đại hội đồng cổ đông của Công ty cổ phần Nước sạch Thái Bình
TNHH MTV	:	Trách nhiệm hữu hạn một thành viên
Giấy CNĐKDN	:	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
HĐQT	:	Hội đồng quản trị
BKS	:	Ban kiểm soát
TGD	:	Tổng giám đốc
XNN	:	Xí nghiệp nước
KCN	:	Khu công nghiệp
TCKT	:	Tài chính kế toán
ĐKGD	:	Đăng ký giao dịch
Công ty	:	Công ty cổ phần Nước sạch Thái Bình

I. TÌNH HÌNH ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Công ty

1.1. Thông tin về Công ty

- Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI BÌNH
- Tên tiếng Anh: THAI BINH CLEAN WATER JOINT STOCK COMPANY
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 02 đường Trần Thủ Độ, phường Tiền Phong, Thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình
- Điện thoại: 02273.831.632 Fax: 02273.642.015
- Email: nuocsachthaibinh.jsc@gmail.com
- Website: <http://capnuocthaibinh.com>

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp: 1000214853 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp lần đầu ngày 26/01/2010, cấp thay đổi lần thứ 4 cấp ngày 14/7/2022.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thiên Bắc - Chủ tịch HĐQT.
- Vốn điều lệ đăng ký: 98.500.000.000 đồng (Chín mươi tám tỷ năm trăm triệu đồng)
- Vốn điều lệ thực góp: 98.500.000.000 đồng (Chín mươi tám tỷ năm trăm triệu đồng)
- Ngày trở thành công ty đại chúng: Ngày 11/10/2021 (theo Công văn số 6100/UBCK-GSDC ngày 11/10/2021 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về đăng ký công ty đại chúng của Công ty)

Ngành nghề kinh doanh: Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1000214853 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp lần đầu ngày 26/01/2010, cấp thay đổi lần thứ 4 cấp ngày 14/7/2022, ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600 (Chính)
2	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
3	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
4	Xây dựng công trình thủy	4291
5	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
6	Phá dỡ	4311
7	Chuẩn bị mặt bằng (trừ dịch vụ nổ mìn)	4312
8	Lắp đặt hệ thống điện	4321
9	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí Chi tiết: Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước và xử lý nước thải	4322

STT	Tên ngành	Mã ngành
10	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
11	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
12	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng xây dựng; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng chuyên ngành điện; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng chuyên ngành nước. (trừ hoạt động thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với hàng hoá nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối)	4659
13	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng cấp, thoát nước và xử lý nước thải	4663
14	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Tư vấn đấu thầu; - Tư vấn giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình cấp, thoát nước; - Thiết kế, lập dự toán xây dựng công trình cấp, thoát nước.	7110

1.2. Giới thiệu Chứng khoán đăng ký giao dịch

- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông

- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

- Mã chứng khoán: TBW

- Tổng số chứng khoán đăng ký giao dịch: 9.850.000 cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và của tổ chức ĐKGD: 576.300 cổ phiếu, là số cổ phiếu mà người lao động được mua ưu đãi theo số năm cam kết tiếp tục làm việc sau cổ phần hoá. Trong đó có 11.200 cổ phiếu đã hết hạn chế vào 31/12/2021. Đến hiện tại, số lượng cổ phần có thời gian hạn chế chuyển nhượng đến 31/12/2024 là 565.100 cổ phần (252 người)

- Giới hạn về tỷ lệ sở hữu đối với người nước ngoài: 50%

Hiện tại, Điều lệ Công ty cổ phần Nước sạch Thái Bình không quy định về giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài đối với cổ phần của Công ty. Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài sẽ tuân theo quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Theo công văn số 1930/UBCK-PTTT ngày 08/4/2022 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã nhận được hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty cổ

phần Nước sạch Thái Bình ở mức 50% đầy đủ, hợp lệ theo quy định. Do đó, tỷ lệ sở hữu nước ngoài của Công ty là 50%.

Tại thời điểm hiện tại, Công ty không có cổ đông nước ngoài.

1.3. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty

Công ty cổ phần Nước sạch Thái Bình ngày nay, tiền thân là Nhà máy Nước thị xã Thái Bình được thành lập từ tháng 5 năm 1960 theo Quyết định số 10/QĐ-UB của Ủy ban hành chính tỉnh Thái Bình. Công suất thiết kế của Nhà máy là 2.400 m³/ngđ cung cấp nước cho một số cơ quan của tỉnh, thị xã và một số hộ dân trên các tuyến đường chính. Từ năm 1964 đến năm 1972, do chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, một phần công trình xử lý nước và máy móc thiết bị bị đánh hỏng, công suất chỉ còn 1.200 m³/ngđ.

Từ năm 1972 đến năm 1986, Nhà máy vừa khôi phục vết thương chiến tranh vừa phục hồi sản xuất đưa công suất đạt 20.000 m³/ngđ cấp nước phục vụ cho gần 10.000 hộ dân và các cơ quan trên địa bàn thị xã.

Năm 1992, Nhà máy Nước thị xã Thái Bình chính thức trở thành Công ty Cấp nước Thái Bình và được công nhận là doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 435/QĐ-UB ngày 20/11/1992 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình và Thông báo số 392/TB-DNNN ngày 17/11/1992 của Bộ Xây dựng.

Năm 1997, Nhà máy có Quyết định đầu tư nâng cấp và mở rộng Hệ thống cấp nước thị xã Thái Bình và được triển khai bằng nguồn vốn ODA của Chính phủ Phần Lan. Dự án được triển khai xây dựng từ năm 2000 và đến tháng 6 năm 2003 hoàn thành đưa vào sử dụng, công suất Nhà máy đạt 30.000 m³/ngđ.

Năm 2008, Công ty tiếp tục đầu tư nâng công suất Nhà máy đạt 50.000 m³/ngđ. Thực hiện việc tiếp nhận và xây dựng mới một số các Nhà máy thị trấn huyện theo dự án ODA Phần Lan, Công ty đã tiếp nhận và xây mới được 10 nhà máy với tổng công suất là 20.000 m³/ngđ.

Ngày 05/01/2010, Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình có Quyết định số 02/QĐ-UBND chuyển Công ty Cấp nước Thái Bình thành Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch tỉnh Thái Bình.

Căn cứ Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần; Thông tư số 202/2011/TT-BTC ngày 30/12/2011 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định 59/2002/NĐ-CP ngày 12/7/2002 của Chính phủ về hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển đổi DNNN 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần; Quyết định số 585/QĐ-UBND ngày 31/3/2014 của UBND tỉnh Thái Bình về việc phê duyệt Kế hoạch CPH Công ty TNHH MTV kinh doanh nước sạch Thái Bình; Quyết định số 04/QĐ-BCĐCPH ngày 17/3/2014 của Ban chỉ đạo CPH Công ty TNHH MTV kinh doanh nước sạch Thái Bình về việc thành lập tổ giúp việc cổ phần hoá Công ty TNHH MTV kinh doanh nước sạch Thái Bình. Ngày 10/4/2014, Công ty TNHH MTV kinh doanh nước sạch Thái Bình đã ký Hợp đồng dịch vụ tư vấn số 21-14/HĐ-ĐG/VAE-NSTB về việc xác định giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH MTV kinh doanh nước sạch Thái Bình. Từ tháng 4/2014 đến tháng 7/2014, Tổ giúp việc Cổ phần hóa Công ty đã phối hợp với tổ chức tư vấn hoàn thành việc xác



định giá trị Doanh nghiệp và việc xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Ngày 05/8/2014, Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình ra Quyết định số 1779/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa công ty TNHH MTV kinh doanh nước sạch Thái Bình.

Trên cơ sở kết quả xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa, hình thức cổ phần hóa là bán một phần vốn Nhà nước, Số cổ phần bán ra là 2.955.000 cổ phần; đấu giá thành công với giá 10.000 đồng/cổ phần. Công ty đã hoàn thành phương án cổ phần hóa trình Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình. Ngày 05/9/2014, Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình có Quyết định số 2015/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án chuyển đổi Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch tỉnh Thái Bình thành Công ty cổ phần. Tại Quyết định số 2804/QĐ-UBND ngày 18/11/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình về việc phê duyệt chi phí cổ phần hóa và quyết toán phần vốn nhà nước tại thời điểm doanh nghiệp chính thức chuyển sang công ty cổ phần (31/12/2014) của Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch tỉnh Thái Bình

Đến nay, Công ty đã thực hiện xong phương án Cổ phần hóa và chuyển tên thành Công ty cổ phần Nước sạch Thái Bình từ tháng 01 năm 2015. Vốn điều lệ của Công ty là 98.500.000.000 đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp: 1000214853 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp lần đầu ngày 26/01/2010, cấp thay đổi lần thứ 2 ngày 31/12/2014.

Ngày 11/10/2021, Công ty cổ phần Nước sạch Thái Bình đã được chấp thuận là Công ty đại chúng theo Công văn số 6100/UBCK-GSĐC ngày 11/10/2021 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Ngày 26/01/2022, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 08/2022/GCNCP-VSD với số lượng cổ phiếu đăng ký 9.850.000 cổ phiếu, tổng giá trị cổ phiếu là 98.500.000.000 đồng.

Hiện nay, Công ty cổ phần Nước sạch Thái Bình hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1000214853 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp lần đầu ngày 26/01/2010, cấp thay đổi lần thứ 4 ngày 14/7/2022, với vốn điều lệ thực góp là 98.500.000.000 đồng.

1.4. Quá trình thay đổi vốn điều lệ của Công ty

Ngày 05/01/2010, Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình có Quyết định số 02/QĐ-UBND chuyển Công ty Cấp nước Thái Bình thành Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch tỉnh Thái Bình. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1000214853 cấp lần đầu ngày 26/01/2010 với vốn điều lệ 68.042.955.076 đồng.

Căn cứ Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần; Thông tư số 202/2011/TT-BTC ngày 30/12/2011 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định 59/2002/NĐ-CP ngày 12/7/2002 của Chính phủ về hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển đổi DNNN 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần; Quyết định số 585/QĐ-UBND ngày 31/3/2014 của UBND tỉnh Thái Bình về việc phê duyệt Kế hoạch CPH Công ty TNHH MTV kinh doanh nước sạch Thái Bình; Quyết định số 04/QĐ-BCĐCPH ngày 17/3/2014 của Ban chỉ đạo CPH Công ty TNHH MTV kinh doanh nước sạch Thái Bình về việc thành lập tổ giúp việc cổ phần hoá Công ty TNHH MTV kinh doanh nước sạch Thái Bình. Ngày 10/4/2014,

Công ty TNHH MTV kinh doanh nước sạch Thái Bình đã ký Hợp đồng dịch vụ tư vấn số 21-14/HĐ-ĐG/VAE-NSTB về việc xác định giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH MTV kinh doanh nước sạch Thái Bình. Từ tháng 4/2014 đến tháng 7/2014, Tổ giúp việc Cổ phần hóa Công ty đã phối hợp với tổ chức tư vấn hoàn thành việc xác định giá trị Doanh nghiệp và việc xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Ngày 05/8/2014, Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình ra Quyết định số 1779/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa công ty TNHH MTV kinh doanh nước sạch Thái Bình.

Trên cơ sở kết quả xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa, hình thức cổ phần hóa là bán một phần vốn Nhà nước, Công ty đã hoàn thành phương án cổ phần hóa trình Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình. Ngày 05/9/2014, Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình có Quyết định số 2015/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án chuyển đổi Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch tỉnh Thái Bình thành Công ty cổ phần. Tại Quyết định số 2804/QĐ-UBND ngày 18/11/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình về việc phê duyệt chi phí cổ phần hóa và quyết toán phần vốn nhà nước tại thời điểm doanh nghiệp chính thức chuyển sang công ty cổ phần (31/12/2014) của Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch tỉnh Thái Bình. Trải qua 4 năm hoạt động dưới hình thức Công ty TNHH MTV, Công ty chính thức hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp: 1000214853 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp lần đầu ngày 26/01/2010, cấp thay đổi lần thứ 2 ngày 31/12/2014, với vốn điều lệ là 98.500.000.000 đồng.

Từ khi trở thành Công ty cổ phần đến nay, Công ty chưa tăng hoặc giảm vốn.

1.5. Thông tin cổ đông tại ngày đáp ứng điều kiện là công ty đại chúng

- Ngày Công ty đáp ứng điều kiện công ty đại chúng: 31/12/2014.
- Cơ cấu cổ đông tại ngày Công ty đáp ứng điều kiện là công ty đại chúng bao gồm:

+ Số lượng cổ đông lớn: 2 cổ đông.

+ Số lượng cổ đông không phải là cổ đông lớn: 301 cổ đông.

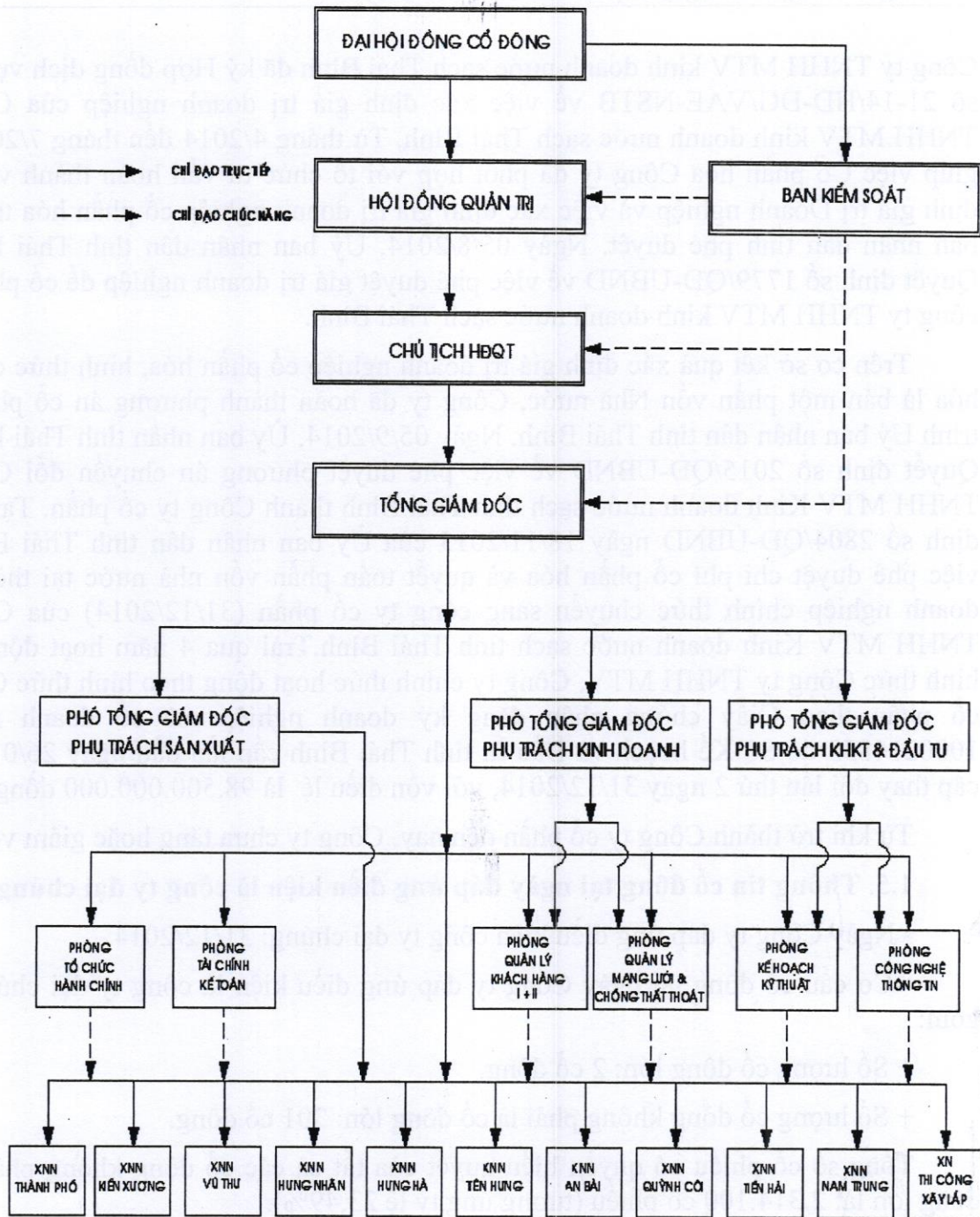
Tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông không phải là cổ đông lớn là: 2.314.100 cổ phiếu (tương ứng tỷ lệ 23,49%).

2. Cơ cấu tổ chức của Công ty

Hiện tại, Công ty cổ phần Nước sạch Thái Bình đang áp dụng theo mô hình tổ chức của Công ty cổ phần. Mô hình này được xây dựng trên mục tiêu sản xuất kinh doanh của Công ty, tuân thủ theo các quy định của Pháp luật Việt Nam và các quy định tại Điều lệ Công ty. Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty như sau:

Sơ đồ tổ chức của Công ty





Công ty cổ phần Nước sạch Thái Bình hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Để đảm bảo sản xuất kinh doanh có hiệu quả, Công ty đã xây dựng tổ chức bộ máy quản lý như sau:

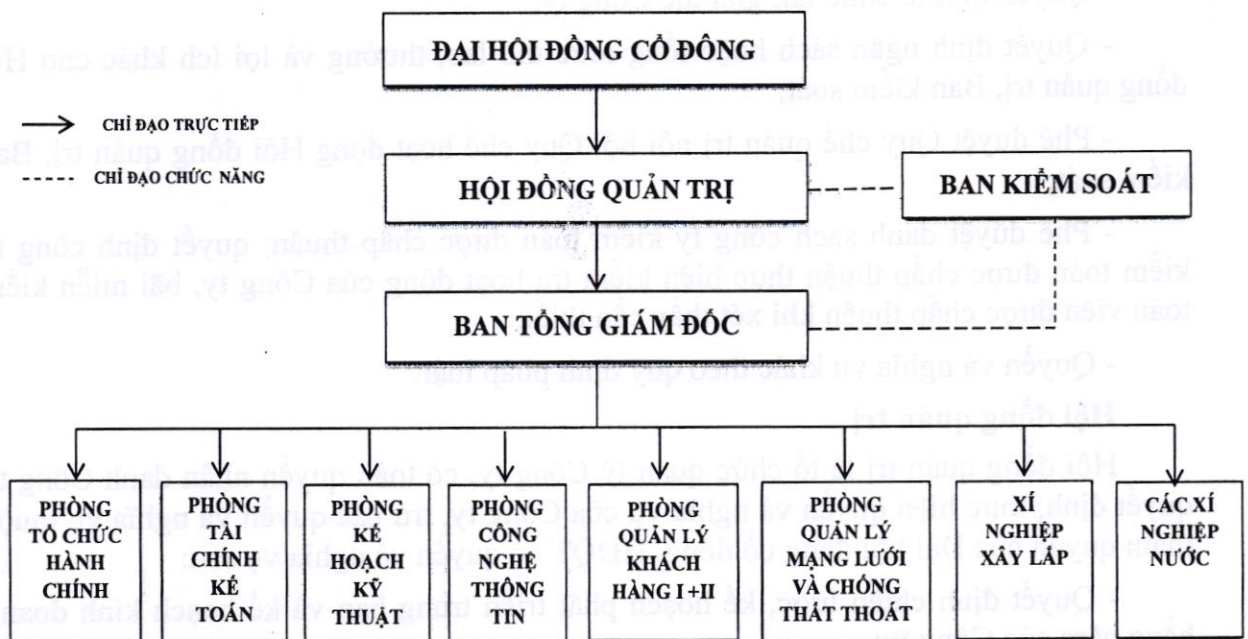
* Văn phòng Công ty gồm các phòng chức năng: Phòng Tổ chức hành chính; Phòng Tài chính kế toán; Phòng Kế hoạch kỹ thuật; Phòng Công nghệ thông tin; Phòng Quản lý mạng lưới và chống thất thoát; Phòng Quản lý khách hàng. Các Xí nghiệp thuộc khu vực Thành phố: Xí nghiệp Thị công xây lắp; Xí nghiệp khai thác nước Thành phố

Địa chỉ: Số 02 đường Trần Thủ Độ, phường Tiền Phong, TP Thái Bình

* Các Xí nghiệp khai thác, sản xuất và kinh doanh nước sạch hạch toán phụ thuộc sau đây:

- Xí nghiệp nước Vũ Thư : Khu Hùng Tiến 2, thị trấn Vũ Thư, huyện Vũ Thư
- Xí nghiệp nước Tiền Hải : Khu Hùng Thắng, thị trấn Tiền Hải, huyện Tiền Hải
- Xí nghiệp nước Kiến Xương : Khu Thống Nhất, thị trấn Thanh Nê, huyện Kiến Xương
- Xí nghiệp nước An Bài : Thôn Đông Lĩnh, thị trấn An Bài, huyện Quỳnh Phụ
- Xí nghiệp nước Hưng Nhân : Thôn Đầu, thị trấn Hưng Nhân, huyện Hưng Hà
- Xí nghiệp nước Hưng Hà : Khu 3B, thị trấn Hưng Hà, huyện Hưng Hà
- Xí nghiệp nước Quỳnh Côi : Khu 3B, thị trấn Quỳnh Côi, huyện Quỳnh Phụ
- Xí nghiệp nước Tiên Hưng : Xã Thăng Long, huyện Đông Hưng
- Xí nghiệp nước Nam Trung : Thôn Trung Đồng, xã Nam Trung, huyện Tiền Hải
- Trạm cấp nước Vũ Tây : Thôn Hoa Nam, xã Tây Sơn, huyện Kiến Xương

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty



Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty gồm:

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát
- Ban Tổng giám đốc
- Các phòng ban chức năng

Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty cổ phần Nước sạch Thái Bình. Đại hội đồng cổ đông thường niên mỗi năm tổ chức một lần, họp trong thời hạn 4 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết

định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định các vấn đề thuộc nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật liên quan. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau:

- Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là tổ chức quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có quyền và nghĩa vụ sau:

- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

- Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

- Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

- Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

- Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

- Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

- Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

- Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

- Phân công nhiệm vụ và quyền hạn trong việc điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cho người quản lý và người điều hành;

- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật.

Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong việc quản lý và điều hành Công ty, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

- Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

- Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.

- Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

- Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

- Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

- Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

- Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc do HĐQT bổ nhiệm chịu sự giám sát của HĐQT và chịu trách nhiệm trước ĐHCĐ, HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Ban Tổng giám đốc có nhiệm vụ:

- Tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Nghị quyết của ĐHCĐ, quyết định của HĐQT, Điều lệ Công ty và tuân thủ pháp luật.

- Xây dựng và trình HĐQT các quy chế điều hành nội bộ, kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính hàng năm và dài hạn của Công ty.

- Báo cáo HĐQT về kết quả hoạt động kinh doanh, chịu trách nhiệm trước HĐQT và pháp luật về những sai phạm gây tổn thất cho Công ty.

- Đề nghị HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.

- Ký kết, thực hiện các hợp đồng theo quy định.

- Thực hiện các Nghị quyết của HĐQT và ĐHCĐ, kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHCĐ thông qua.

- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

Các phòng ban chức năng

- Phòng Tổ chức hành chính: Tham mưu cho Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trong chỉ đạo công tác chuyên môn liên quan đến lĩnh vực tổ chức cán bộ, lao động tiền lương, đào tạo, thi đua khen thưởng, kỷ luật; công tác văn thư, lưu trữ; hành chính, bảo vệ an toàn nội bộ của Công ty.

- Phòng Tài chính kế toán: Tham mưu cho Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc về lĩnh vực liên quan đến tài chính và kế toán doanh nghiệp, đảm bảo nguồn vốn kinh doanh, phản ánh dòng vốn kinh doanh để doanh nghiệp kinh doanh có hiệu quả;

đảm bảo đúng quy định của Nhà nước về Luật kế toán, chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.

- Phòng Kế hoạch kỹ thuật: Tham mưu và giúp Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc thực hiện công việc quản lý điều hành: kỹ thuật sản xuất và kinh doanh nước sạch; các dự án đầu tư xây lắp công trình theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Phòng Công nghệ thông tin: Tham mưu và giúp Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trong việc quản lý hệ thống công nghệ thông tin toàn Công ty; chăm sóc khách hàng, tiếp nhận và xử lý thông tin liên quan đến lắp đặt, chất lượng nước, chất lượng dịch vụ của kinh doanh tiêu thụ nước sạch; phát hành hoá đơn thu tiền nước.

- Phòng Quản lý khách hàng: Tham mưu giúp Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trong chỉ đạo công tác chuyên môn liên quan đến lĩnh vực quản lý khách hàng sử dụng nước, quản lý đồng hồ đo lưu lượng nước toàn Công ty

- Phòng Quản lý mạng lưới và chống thất thoát: Tham mưu giúp Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trong chỉ đạo công tác chuyên môn liên quan đến lĩnh vực quản lý mạng lưới đường ống cấp nước; chống thất thu, thất thoát sản phẩm.

- Xí nghiệp Thi công xây lắp: Tham mưu giúp Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trong chỉ đạo công tác chuyên môn liên quan đến lĩnh vực thi công, xây dựng các công trình dự án của Công ty; lắp đặt công trình cấp nước phát triển khách hàng mới; thay thế đồng hồ.

- Xí nghiệp khai thác nước: Thành phố, Vũ Thư, Tiền Hải, Kiến Xương, An Bài, Hưng Nhân, Hưng Hà, Quỳnh Côi, Tiên Hưng, Nam Trung.

Tổ chức sản xuất, cấp nước trên địa bàn được phân công: từ sản xuất, quản lý mạng lưới, quản lý khách hàng, thu tiền nước; quản lý chi phí theo quy chế khoán của Công ty.

4. Cơ cấu cổ đông

4.1. Cơ cấu cổ đông tại ngày 21/7/2023

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ
I	Cổ đông trong nước, nước ngoài			
1	Trong nước	309	9.850.000	100,00%
1.1	Nhà nước	1	6.895.000	70,00%
1.2	Tổ chức	1	640.900	6,51%
1.3	Cá nhân	306	2.300.100	23,35%
1.4	Cổ phiếu quỹ	1	14.000	0,14%
2	Nước ngoài	0	0	0
2.1	Tổ chức nước ngoài, tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	0	0	0
2.2	Cá nhân	0	0	0



STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ
	Tổng cộng	309	9.850.000	100%
II	Cổ đông lớn, cổ đông khác			
1	Cổ đông lớn	2	7.535.900	76,51%
2	Cổ đông khác	306	2.300.100	23,35%
3	Cổ phiếu quỹ	1	14.000	0,14%
	Tổng cộng	309	9.850.000	100,00%

(Nguồn: Danh sách cổ đông ngày 21/7/2023 do VSD cấp)

Cổ phiếu quỹ là số lượng cổ phần của cán bộ công nhân viên mua ưu đãi cam kết làm việc lâu dài tại Công ty nhưng thực hiện chấm dứt Hợp đồng lao động trước thời gian cam kết. Đến nay, Công ty đã thực hiện chấm dứt hợp đồng lao động với 07 người. Theo đó, số cổ phần cán bộ công nhân viên được mua ưu đãi cam kết 10 năm làm việc tiếp theo (7 người * 2.000 cổ phần = 14.000 cổ phần) đã chuyển nhượng về Công ty với giá 10.000 đồng/cổ phần.

4.2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty tại thời điểm 21/7/2023

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ
1	Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình	Đường Lý Thường Kiệt, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình	6.895.000	70,00%
2	Công ty cổ phần Cúc Phương	Tổ 15, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội	640.900	6,51%
	Cộng		7.535.900	76,51%

(Nguồn: Danh sách cổ đông ngày 21/7/2023 do VSD cấp)

4.3. Cơ cấu cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ

Không có

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Công ty đại chúng, những công ty mà Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với công ty đại chúng

Không có

6. Hoạt động kinh doanh

6.1. Hoạt động sản xuất kinh doanh chính

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là: sản xuất, kinh doanh nước sạch. Hiện tại, Công ty đang vận hành 11 nhà máy khai thác, sản xuất và cung cấp

nước sạch. Tổng công suất thiết kế là 83.000m³/ngđ. Cấp nước cho trên 88.000 hộ khách hàng phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt, sản xuất của nhân dân và các cơ quan, doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố, 7 Thị trấn, 30 xã nông thôn, KCN Phúc Khánh, KCN Nguyễn Đức Cảnh, KCN Tiền Hải và các cụm công nghiệp trên địa bàn phục vụ.

6.2. Cơ cấu doanh thu năm 2021 và năm 2022

Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2021		Năm 2022		So sánh (2022/2021)
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	
1. Sản lượng nước thương phẩm	m ³	20.690.468		20.315.666		-1,8%
2. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	160.689		160.905		+0,13%
<i>Trong đó:</i>						
Doanh thu SXKD nước sạch	-	156.954	97,68	156.996	97,57	-
Doanh thu lắp đặt đường ống nước	-	3.735	2,32	3.909	2,43	+4,7%

(Nguồn: BCTC năm 2022 đã kiểm toán của Công ty)

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chủ yếu từ hoạt động sản xuất, kinh doanh nước sạch. Doanh thu năm 2022, đạt 160,905 tỷ đồng, tăng 0,13% so với năm 2021.

Năm 2022, Công ty luôn nâng cao chất lượng dịch vụ, mở rộng và phát triển mạng lưới đường ống cấp nước. Tập trung mọi nguồn lực để giảm tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch. Tăng cường công tác kiểm tra, công tác tìm kiếm rò rỉ trên mạng lưới đường ống, kiểm soát áp lực, duy trì áp lực hợp lý trên mạng lưới cấp nước.

6.3. Nguồn cung cấp đầu vào

STT	Nhà cung cấp	Địa chỉ	Sản phẩm
1	Công ty cổ phần Cúc Phương	Tổ 15, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, TP Hà Nội	Ống, phụ kiện thép; ống HDPE, phụ kiện HDPE
2	Công ty TNHH kỹ thuật thương mại Trường An	SN 73, đường Phạm Hùng, Phường Thanh Bình, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương	Keo tụ, Clo
3	Công ty cổ phần Đông Á	Khu 9, Thị trấn Phong Châu, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ	Keo tụ
4	Công ty TNHH thiết bị điện nước Hà Thành	Số 09, Quốc lộ 1A, đường Ngọc Hồi, P.Hoàng Liệt, Q.Hoàng Mai, TP Hà Nội, Việt Nam.	Phụ kiện HDPE

STT	Nhà cung cấp	Địa chỉ	Sản phẩm
5	Công ty cổ phần DNP Hawaco	Số 25 phố Lý Thường Kiệt, phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội.	Đồng hồ đo nước DN15 cấp B, cấp C
6	Công ty TNHH Công nghệ Sơn Nguyên	P603 số 70 ngõ 165 Xuân Thủy, phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Hà Nội	Vật tư gang, đai khởi thủy, măng sông nổi nhanh
7	Công ty Liên doanh TNHH đồng hồ nước Zenner-coma	125D Minh Khai, Hà Nội	Đồng hồ đo nước

Nguồn nước Công ty khai thác để sản xuất nước sạch là nước mặt và nước ngầm. Nguyên vật liệu chủ yếu cho khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch là keo tụ và Clo. Nguyên vật liệu cho hoạt động lắp đặt đồng hồ đo nước đó là đồng hồ đo nước, đai khởi thủy, van và một số phụ kiện khác.

6.4. Trình độ công nghệ

Với sự phát triển không ngừng của khoa học - công nghệ, Công ty cổ phần Nước sạch Thái Bình luôn chú trọng ứng dụng các công nghệ hiện đại trong quá trình sản xuất kinh doanh để đạt được hiệu suất làm việc tối đa. Việc sử dụng các ứng dụng công nghệ trong hoạt động quản trị, quản lý khách hàng, kiểm soát áp lực, dò tìm để có những biện pháp sửa chữa kịp thời, giảm tỷ lệ thất thoát, thất thu sản phẩm.

7. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021 và năm 2022

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Tăng, giảm 2022/2021
1	Tổng tài sản	203.369.405.160	208.408.441.828	+2,4%
2	Vốn chủ sở hữu	145.462.734.063	149.388.506.039	+2,6%
3	Nợ phải trả	57.906.671.097	59.019.935.789	+1,9%
4	Nợ dài hạn	26.751.441.575	23.585.351.841	-11,9%
5	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	160.689.598.291	160.905.552.129	+0,1%
6	Giá vốn hàng bán	109.667.572.645	109.970.564.266	+0,3%
7	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	51.022.025.646	50.934.987.863	-0,2%
8	Doanh thu hoạt động tài chính	2.707.672.236	2.910.238.460	+7,5%

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Tăng, giảm 2022/2021
9	Chi phí tài chính	305.101.487	492.808.050	+61,5%
10	Chi phí quản lý doanh nghiệp	20.701.498.080	20.392.563.043	-1,5%
11	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	32.723.098.315	32.959.855.230	+0,7%
12	Thu nhập khác	1.003.046.572	1.242.175.594	+23,8%
13	Chi phí khác	789.418.775	1.178.668.206	+49,3%
14	Lợi nhuận khác	213.627.797	63.507.388	-70,3%
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	32.936.726.112	33.023.362.618	+0,3%
16	Chi phí thuế TNDN hiện hành	6.587.345.222	6.611.478.524	+0,4%
17	Lợi nhuận sau thuế TNDN	26.349.380.890	26.411.884.094	+0,2%
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.004	2.685	+34,0%

(Nguồn: BCTC năm 2022 đã kiểm toán của Công ty)

8. Vị thế của Công ty trong ngành

8.1. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong ngành

Ngành cấp nước tại Việt Nam có sự phân chia về địa bàn cấp nước rõ rệt, doanh nghiệp thuộc địa phương nào sẽ cung cấp nước sạch cho địa phương đó. Công ty cổ phần Nước sạch Thái Bình là đơn vị hoạt động cung cấp nước trong tỉnh với hơn 60 năm hình thành và phát triển. Cùng với sự phát triển chung của nền kinh tế, xã hội và sự ủng hộ của khách hàng - một lợi thế kinh doanh quan trọng, Công ty sẽ tiếp tục là một đơn vị cung cấp nước sinh hoạt cũng như phục vụ sản xuất kinh doanh chính tại tỉnh Thái Bình.

8.2. Triển vọng phát triển của ngành

Ngành cấp nước không phải là ngành có thể tạo ra đột biến trong sản xuất kinh doanh, cũng không có điều kiện có thể cung cấp rộng rãi trên quy mô lớn. Tuy nhiên, với đặc thù của ngành là cung cấp sản phẩm thiết yếu phục vụ nhu cầu sinh hoạt hằng ngày của người dân cũng như các doanh nghiệp. Nên nhu cầu về sản phẩm và dịch vụ của ngành sẽ mang tính ổn định lâu dài.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1. Cơ cấu lao động của Công ty đến ngày 21/7/2023

STT	Chỉ tiêu	Số lao động (người)	Tỷ lệ (%)
I	Phân loại theo giới tính		
1	Nam	212	70,2
2	Nữ	90	29,8
II	Phân loại theo hợp đồng lao động		
1	Lao động hợp đồng thời hạn 1 đến 3 năm	3	1,0
2	Lao động không xác định thời hạn	299	99,0
III	Phân loại theo trình độ		
1	Trình độ đại học và trên đại học	83	27,5
2	Trình độ cao đẳng, trung cấp	22	7,3
3	Trình độ công nhân kỹ thuật	197	65,2

9.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

- Chế độ làm việc: Thời giờ làm việc bình thường của Công ty là 08 giờ trong 01 ngày, 40 giờ trong 01 tuần (nghỉ ngày thứ bảy và chủ nhật). Nghỉ phép; nghỉ lễ, tết; nghỉ ốm, thai sản; nghỉ việc riêng: theo quy định của Bộ luật Lao động.

- Công tác đào tạo: Công ty cổ phần Nước sạch Thái Bình luôn coi trọng công tác đào tạo để nâng cao trình độ quản lý; chuyên môn, nghiệp vụ; trình độ lý luận chính trị cho người lao động nhằm quản lý và sản xuất kinh doanh có hiệu quả cao. Hằng năm, Công ty lập kế hoạch và tổ chức đào tạo về vận hành, sản xuất kinh doanh nước sạch; lắp đặt đường ống; cử cán bộ công nhân viên tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị.

- Tiền lương, thưởng, phụ cấp lương, chế độ phúc lợi khác.

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động theo đúng quy định của pháp luật, và quy chế nội bộ của Công ty. Đảm bảo ổn định việc làm, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.

Công ty trả lương, thưởng, phụ cấp lương theo Thỏa ước lao động tập thể và năng suất lao động hằng tháng. Người lao động được tham gia và hưởng các chế độ về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp...Hằng năm, người lao động được khám sức khoẻ định kỳ; đi tham quan, nghỉ mát để tái tạo sức lao động.

10. Chính sách cổ tức

Cổ tức là mối quan tâm hàng đầu của các nhà đầu tư, người góp vốn và Công ty. Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty, chính sách chi trả cổ tức do HĐQT và ĐHĐCĐ quyết định như sau:

Công ty tiến hành chi trả cổ tức cho các cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

Cổ đông được chia cổ tức tương ứng với phần vốn góp

Tuỳ thuộc vào kết quả sản xuất kinh doanh hàng năm, Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án chi trả cổ tức. Theo đó, tỷ lệ cổ tức năm 2022 là 11,7%.

11. Tình hình tài chính

11.1. Chính sách kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong Báo cáo tài chính của Công ty là đồng Việt Nam (VND), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2017/TT-BTC ngày 21/3/2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

11.2. Trích khấu hao tài sản cố định

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán tài sản cố định hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

- Nhà cửa vật kiến trúc:	10 đến 50 năm
- Máy móc thiết bị:	08 đến 20 năm
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn:	06 đến 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý:	03 đến 05 năm
- Tài sản cố định hữu hình khác:	06 năm

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2022 của Công ty)

11.3. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty thanh toán đầy đủ, đúng hạn các khoản nợ và khoản vay. Hiện nay, Công ty không có bất kỳ khoản nợ nào quá hạn đối với Ngân hàng và các nhà cung cấp.

11.4. Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện nghiêm túc việc kê khai và nộp các sắc thuế, phí, lệ phí...theo quy định của Nhà nước.

Các khoản nộp Ngân sách Nhà nước năm 2021 và 2022 như sau:

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022
1	Thuế giá trị gia tăng đầu ra	3.116.629.412	3.404.462.543
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.104.065.736	5.937.345.222
3	Thuế thu nhập cá nhân	1.626.918.454	1.244.920.063
4	Thuế tài nguyên	890.420.175	873.328.725

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022
5	Thuế đất, tiền thuê đất	200.385.464	67.503.470
6	Thuế môn bài	12.000.000	12.000.000
7	Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt	3.743.742.812	3.863.723.760
8	Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	440.164.573	856.651.170
9	Tiền cổ tức được chia cho phần vốn Nhà nước	5.240.200.000	10.894.100.000
	Tổng	19.374.526.626	27.154.034.953

(Nguồn: BCTC năm 2021, 2022 đã kiểm toán của Công ty)

11.5. Trích lập các quỹ theo quy định

Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty. Hằng năm, Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận để trích lập các quỹ và chi trả cổ tức sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

11.6. Tình hình công nợ

Chi tiết số dư các khoản vay và nợ thuê tài chính của Công ty

Đơn vị tính: đồng

STT	Diễn giải	31/12/2021	31/12/2022
I	Vay Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình	14.824.486.295	11.738.486.295
	<i>Dự án công trình cấp nước Thị trấn Nam Trung - Tiền Hải (1)</i>	<i>7.068.727.000</i>	<i>6.058.727.000</i>
	<i>Dự án công trình cấp nước Thị trấn An Bài - Quỳnh Phụ (2)</i>	<i>2.674.000.000</i>	<i>1.910.000.000</i>
	<i>Dự án công trình cấp nước Thị trấn Hưng Nhân - Hưng Hà (3)</i>	<i>2.877.000.000</i>	<i>2.055.000.000</i>
	<i>Dự án công trình cấp nước Thị trấn Tiên Hưng - Đông Hưng (4)</i>	<i>2.204.759.295</i>	<i>1.714.759.295</i>
II	Vay Bộ tài chính – Dự án cải tạo mở rộng hệ thống cấp nước Thị xã Thái Bình (5)	11.691.955.280	11.927.865.546
	Cộng	26.516.441.575	23.666.351.841
	<i>Trong đó</i>		
	<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>3.086.000.000</i>	<i>3.086.000.000</i>
	<i>Khoản đến hạn trả sau 12 tháng</i>	<i>23.430.441.575</i>	<i>20.580.351.841</i>

(Nguồn: BCTC năm 2022 đã kiểm toán của Công ty)

- (1) Hợp đồng số 01/2013/HDODA-NHPTVN ngày 09/9/2023 để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng công trình hệ thống cấp nước tại thị trấn Nam Trung, Tiền Hải (Dự án Nam Trung); thời hạn vay 186 tháng; lãi suất 0,3%/tháng; nợ gốc và lãi trả định kỳ 6 tháng/lần, ngày trả nợ lần cuối cùng dự kiến là 30/06/2025.
- (2) Hợp đồng số 01/2007/HDODA-NHPTVN ngày 29/8/2017 để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng công trình hệ thống cấp nước tại thị trấn An Bài, Quỳnh Phụ (Dự án An Bài); thời hạn vay 216 tháng; lãi suất 0,3%/tháng; nợ gốc và lãi trả định kỳ 6 tháng/lần, ngày trả nợ lần cuối cùng dự kiến là 31/12/2027.
- (3) Hợp đồng số 02/2007/HDODA-NHPTVN ngày 29/8/2017 để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng công trình hệ thống cấp nước tại thị trấn Hưng Nhân, Hưng Hà (Dự án Hưng Nhân); thời hạn vay 216 tháng; lãi suất 0,3%/tháng; nợ gốc và lãi trả định kỳ 6 tháng/lần, ngày trả nợ lần cuối cùng dự kiến là 30/6/2024.
- (4) Hợp đồng số 01/2008/HDODA-NHPTVN ngày 31/10/2008 để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng công trình hệ thống cấp nước tại thị trấn Tiên Hưng, Hưng Hà (Dự án Tiên Hưng); thời hạn vay 216 tháng; lãi suất 0,3%/tháng; nợ gốc và lãi trả định kỳ 6 tháng/lần, ngày trả nợ lần cuối cùng dự kiến là 30/6/2024.
- (5) Năm 2019, Công ty ghi nhận bổ sung khoản vay phải trả Bộ Tài chính liên quan đến Dự án Cải tạo mở rộng hệ thống cấp nước thị xã Thái Bình vay vốn Phần Lan theo các văn bản làm việc với các bên có liên quan, số tiền 515.161,17USD, tương đương 11.927.865.546 VND tại ngày 31/12/2022. Tuy nhiên, Công ty và Bộ Tài chính (đơn vị ủy thác: Ngân hàng Phát triển Việt Nam) đang trong quá trình trao đổi tiếp theo về kế hoạch trả nợ (cũng như lãi vay phải trả, nếu có)

Chi tiết các khoản phải thu giai đoạn 2021-2022

Đơn vị tính: đồng

STT	Diễn giải	31/12/2021	31/12/2022
I	Các khoản phải thu ngắn hạn	1.122.765.116	1.097.100.728
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	183.336.327	252.463.239
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	158.750.000	185.535.920
3	Phải thu ngắn hạn khác	832.306.112	723.711.551
4	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(51.627.323)	(64.609.982)
II	Các khoản phải thu dài hạn	848.583.000	848.583.000
	Tổng cộng	1.971.348.116	1.945.683.728

(Nguồn: BCTC năm 2022 đã kiểm toán của Công ty)

Chi tiết các khoản phải trả giai đoạn 2021-2022

Đơn vị tính: đồng

STT	Diễn giải	31/12/2021	31/12/2022
I	Nợ ngắn hạn	31.155.229.522	35.434.583.948
1	Phải trả người bán ngắn hạn	4.084.719.445	6.645.282.164
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321.700.234	80.941.973
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.090.252.323	3.729.279.296
4	Phải trả người lao động	9.800.962.677	9.897.421.527
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	4.517.024.280	1.860.983.828
6	Phải trả ngắn hạn khác	1.917.541.035	2.056.185.514
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	3.086.000.000	3.086.000.000
8	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	4.337.029.528	8.078.489.646
II	Nợ dài hạn	26.751.441.575	23.585.351.841
1	Phải trả dài hạn khác	3.321.000.000	3.005.000.000
2	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	23.430.441.575	20.580.351.841
	Tổng cộng	57.906.671.097	59.019.935.789

(Nguồn: BCTC năm 2022 đã kiểm toán của Công ty)

11.7. Hàng tồn kho

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022
1	Nguyên vật liệu tồn kho	8.559.493.813	7.387.637.651
2	Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	126.898.942	10.020.901
	Cộng	8.686.392.755	7.397.658.552

(Nguồn: BCTC năm 2022 đã kiểm toán của Công ty)

Hàng tồn kho của Công ty cổ phần Nước sạch Thái Bình là nguyên vật liệu sản xuất nước và lắp đặt đường ống như: Keo tụ, Clo, đồng hồ, ống, và phụ kiện lắp đặt.

11.8. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu tài chính	Năm 2021	Năm 2022
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
Hệ số thanh toán nhanh	3,21	2,69
Hệ số thanh toán tức thời	2,35	1,91
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		

Chỉ tiêu tài chính	Năm 2021	Năm 2022
Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,28	0,28
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	0,39	0,39
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
Lợi nhuận sau thuế/DT thuần	16,03%	16,00%
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	18,11%	17,68%
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	12,96%	12,67%

(Nguồn: BCTC năm 2022 đã kiểm toán của Công ty)

12. Tài sản

Tình hình tài sản cố định hữu hình tại ngày 31/12/2022

Khoản mục	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
Nhà cửa, vật kiến trúc	164.438.288.727	108.548.497.439	55.889.791.288
Máy móc, thiết bị	51.617.368.639	40.761.267.781	10.856.100.858
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	213.375.446.274	179.604.587.307	33.770.858.967
Thiết bị, dụng cụ quản lý	518.917.295	275.166.494	243.750.801
Tổng	429.950.020.935	329.189.519.021	100.760.501.914

(Nguồn: BCTC năm 2022 đã kiểm toán của Công ty)

Tình hình tài sản cố định vô hình tại ngày 31/12/2022

Khoản mục	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
Phần mềm máy tính	674.997.389	674.997.389	-
Tổng	674.997.389	674.997.389	-

(Nguồn: BCTC năm 2022 đã kiểm toán của Công ty)

Chi tiết một số tài sản tại ngày 31/12/2022

STT	Tên tài sản	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
01	Thiết bị ống lắng tải trọng cao	3.407.687.149	3.407.687.149	-
02	Tài sản Dự án Phần Lan	8.674.715.567	8.674.715.567	-
03	Mạng lưới đường ống XNN An Bài	5.605.261.500	5.605.261.500	-
04	Mạng lưới đường ống XNN Hưng Hà	3.494.002.582	3.494.002.582	-

STT	Tên tài sản	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
05	Mạng lưới đường ống XNN Hưng Nhân	5.228.075.379	5.228.075.379	-
06	Tài sản cố định XNN Kiến Xương	15.126.788.000	15.126.788.000	-
07	Mạng lưới đường ống XNN Nam Trung	8.466.789.298	4.325.871.668	4.140.917.630
08	Mạng lưới đường ống XNN Tiên Hưng	4.903.334.062	4.903.334.062	-
09	Đường ống XNN Tiền Hải	8.724.645.427	8.724.645.427	-
10	Tuyến ống truyền dẫn HDPE DN315 và DN250 (đoạn từ ngã ba Trái Diêm đến ngã tư Đông Cơ – Tiền Hải)	3.793.144.220	3.309.673.193	483.471.027
11	Tuyến ống truyền dẫn HDPE DN355 Tiền Hải	4.872.867.262	2.694.138.378	2.178.728.884
12	Tuyến ống truyền dẫn DN400-600 đường Trần Quang Khải, Lý Thường Kiệt	16.935.728.073	16.935.728.073	-
13	Tuyến ống truyền dẫn gang DN600 Tiền Phong	4.343.541.511	4.343.541.511	-
14	Tuyến ống truyền dẫn gang DN200-600 Lý Bôn	6.068.828.462	6.068.828.462	-
15	Tuyến ống nước thô DN315 Vũ Thư	3.959.492.239	3.959.492.239	-
16	Nâng công suất Nhà máy nước Tiền Hải lên 14.000m ³ /ngđ	23.448.126.747	8.229.164.668	15.218.962.079
17	Bể lắng Radian	4.278.916.591	4.278.916.591	-
18	Bể lọc	4.128.488.047	4.128.488.047	-
19	Cụm bể lọc song suất 10.000m ³ /ngđ	3.558.413.174	654.038.420	2.904.374.754
20	Nhà làm việc 4 tầng	10.598.742.762	2.169.196.420	8.429.546.342

(Nguồn: BCTC năm 2022 đã kiểm toán của Công ty)

13. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh giai đoạn 2015-2022 cũng như định hướng phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh, Công ty cổ phần Nước sạch Thái Bình xây dựng kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	
	Kế hoạch	% tăng giảm so với năm 2022
Doanh thu thuần	162.000	0,7%
Lợi nhuận sau thuế	26.480	0,3%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	16,4%	0,3%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	17,8%	0,5%
Tỷ lệ cổ tức	11,7%	0%

(Nguồn: Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/6/2023 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 Công ty cổ phần Nước sạch Thái Bình)

Năm 2023, để đạt được kế hoạch đã đề ra, Công ty cổ phần Nước sạch Thái Bình xây dựng kế hoạch:

- Hoàn thiện, củng cố công tác tổ chức; nâng cao trách nhiệm và tính chủ động của cán bộ công nhân viên, đảm bảo sự phát triển bền vững, lâu dài; đào tạo để nâng cao tay nghề và năng lực cho người lao động.
- Xây dựng chiến lược phát triển khách hàng mới để tăng sản lượng và doanh thu tiêu thụ nước sạch; áp dụng khoa học, công nghệ, sửa chữa lớn một số tài sản cố định để giảm tỷ lệ thất thoát, thất thu và giảm chi phí sản xuất kinh doanh.

Kết quả thực hiện 9 tháng đầu năm và ước thực hiện năm 2023 như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 9 tháng		Ước thực hiện năm 2023	
	Số tiền hoặc %	Tỷ lệ % so với KH	Số tiền hoặc %	Tỷ lệ % so với KH
Doanh thu thuần	130.100	80,3%	166.600	102,5%
Lợi nhuận sau thuế	21.800	82,3%	27.680	102,7%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	17,2%	+0,8%	17,0%	+0,8%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	14,2%	-	17,8%	-

14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của công ty đại chúng

Không có

15. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh

Với thế mạnh trong ngành sản xuất và cung cấp nước sạch phục vụ sinh hoạt và sản xuất, chiến lược phát triển của Công ty trong những năm tiếp theo là phát triển bền vững, hiệu quả và an toàn, cụ thể như sau:

- Về phát triển sản xuất kinh doanh

Đầu tư các dự án trọng điểm để bổ sung nguồn nước, cải tạo và mở rộng hệ thống ống dẫn, ống phân phối nước đáp ứng nhu cầu nước sinh hoạt, sản xuất và du lịch. Xây dựng lộ trình thực hiện các dự án cấp nước phù hợp với tiến độ các dự án phát triển kinh tế - xã hội, đô thị, du lịch và các khu công nghiệp của tỉnh. Cụ thể: Dự án xây dựng tuyến ống bổ sung nguồn nước thô cho Xí nghiệp nước Tiên Hải, Kiến Xương; mở rộng mạng lưới đường ống cấp nước cho khu kinh tế ven biển, các khu đô thị phía Nam thành phố, Vũ Đông...

Thực hiện kế hoạch chống thất thoát theo vùng, tuyến ống. Phấn đấu giảm tỷ lệ thất thoát đến năm 2024 xuống dưới 18%. Ưu tiên các dự án chống thất thoát, thất thu nước sạch nhằm nâng cao năng lực vận hành hệ thống cấp nước và giảm tỷ lệ thất thoát nước.

Nâng cao năng lực, công suất cấp nước, chú trọng đến công tác quản lý chất lượng nước. Cung cấp nước sạch đạt chất lượng theo tiêu chuẩn Việt Nam TCVN.

Áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật - công nghệ - tin học để nâng cao chất lượng công tác quản lý điều hành, đổi mới phương thức phục vụ, đưa đến khách hàng dịch vụ, phục vụ tốt nhất; tự động hoá toàn bộ các nhà máy khai thác xử lý nước để tiết kiệm chi phí điện năng, nhân lực. Giảm chi phí trong sản xuất.

- Về nhân lực

Xây dựng đội ngũ cán bộ công nhân viên nhiệt tình, trách nhiệm, chuyên nghiệp. Đánh giá, phân tích chất lượng lao động hiện tại để có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ và tự rèn luyện đối với người lao động nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Hoàn thiện chính sách nhân sự. Có chính sách thu hút các kỹ sư chuyên ngành, cán bộ nghiệp vụ quản lý kinh tế về làm việc tại Công ty, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong thời kỳ mới.

- Về quản trị nội bộ

Rà soát, hoàn thiện, xây dựng mới các văn bản nội quy, quy chế quản lý nội bộ. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, ứng dụng công nghệ thông tin và các phương tiện kỹ thuật vào công tác quản trị. Chú trọng công tác quản trị phòng ngừa rủi ro, đảm bảo an toàn.

Giám sát chặt chẽ và kịp thời chỉ đạo các hoạt động của Ban điều hành duy trì tình hình tài chính lành mạnh.

Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức, tăng trách nhiệm của bộ máy điều hành, nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Có cơ chế tiền lương phù hợp, khuyến khích được người lao động nâng cao năng suất lao động và hiệu quả công việc.

Giữ vững sự đoàn kết thống nhất, trật tự kỷ cương trong công ty. Xây dựng đơn vị văn hoá, tạo môi trường làm việc lành mạnh, thân thiện; nội bộ đoàn kết, hợp tác, tương thân, tương trợ, thống nhất, tận tâm, tận lực vì mục tiêu phát triển chung của Công ty.

16. Các thông tin, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty

Không có

II. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ
01	Nguyễn Thiên Bắc	Chủ tịch Hội đồng quản trị
02	Trần Văn Đức	Thành viên Hội đồng quản trị
03	Ngô Văn Tắm	Thành viên Hội đồng quản trị
04	Đỗ Thị Hồng Vân	Thành viên Hội đồng quản trị
05	Phùng Thị Vân Quỳnh	Thành viên Hội đồng quản trị

Sơ yếu lý lịch của thành viên Hội đồng quản trị

1.1. Ông Nguyễn Thiên Bắc - Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Giới tính: Nam
- Số CCCD: 034073029376 Ngày cấp: 22/03/2022 Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
- Ngày sinh: 03/05/1973
- Nơi sinh: Xã Nam Cao, Huyện Kiến Xương, Tỉnh Thái Bình
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: SN117, đường Ngô Quyền, Phường Trần Lãm, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình.
- Địa chỉ liên hệ: SN117, đường Ngô Quyền, Phường Trần Lãm, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty cổ phần Nước sạch Thái Bình: Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: không
- Quá trình công tác:

Năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 6/1995 đến 11/2001	Công ty Cấp nước Thái Bình	Cán bộ Phòng Kế hoạch kỹ thuật

953
TY
IN
CH
NH
T. TH

Năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 12/2001 đến 5/2004	Công ty Cấp nước Thái Bình	Cán bộ Ban quản lý dự án
Từ 6/2004 đến 12/2004	Công ty Cấp nước Thái Bình	Giám đốc Xí nghiệp nước Tiên Hải
Từ 01/2005 đến 12/2006	Công ty Cấp nước Thái Bình	Phó phòng Kế hoạch kỹ thuật
Từ 01/2007 đến 11/2009	Công ty Cấp nước Thái Bình	Trưởng Ban quản lý dự án
Từ 12/2009 đến 12/2009	Công ty Cấp nước Thái Bình	Trưởng phòng Kế hoạch kỹ thuật
Từ 01/2010 đến 10/2014	Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch tỉnh Thái Bình	Trưởng phòng Kế hoạch kỹ thuật
Từ 11/2014 đến 12/2014	Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch tỉnh Thái Bình	Phó Giám đốc
Từ 01/2015 đến 10/2017	Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Bình	Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc
Từ 11/2017 đến 6/2018	Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Bình	Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc
Từ 7/2018 đến nay	Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Bình	Chủ tịch HĐQT

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan
 - + Sở hữu cá nhân: 105.700 cổ phần
 - + Sở hữu đại diện (Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình): 6.895.000 cổ phần
 - + Sở hữu của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Theo quy định của Công ty
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

1.2. Ông Trần Văn Đức - Thành viên Hội đồng quản trị

- Giới tính: Nam
- Số CCCD: 034065005198 Ngày cấp: 19/03/2018 Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- Ngày sinh: 15/08/1965
- Nơi sinh: Xã Liên Hiệp, Huyện Hưng Hà, Tỉnh Thái Bình
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh

- Địa chỉ thường trú: SN558 đường Lê Thánh Tông, Cụm dân cư số 3, Phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình.

- Địa chỉ liên hệ: SN558 đường Lê Thánh Tông, Cụm dân cư số 3, Phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình.

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng

- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty cổ phần Nước sạch Thái Bình: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc.

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: không

- Quá trình công tác

Năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 3/1990 đến 8/1994	Công ty Cấp nước Thái Bình	Cán bộ
Từ 9/1994 đến 12/1996	Công ty Cấp nước Thái Bình	Trưởng phòng Kinh doanh
Từ 01/1997 đến 3/2002	Công ty Cấp nước Thái Bình	Phó Quản đốc phân xưởng
Từ 4/2002 đến 11/2009	Công ty Cấp nước Thái Bình	Trưởng phòng Kế hoạch kỹ thuật
Từ 12/2009 đến 12/2009	Công ty Cấp nước Thái Bình	Phó Giám đốc
Từ 01/2010 đến 12/2014	Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch tỉnh Thái Bình	Phó Giám đốc
Từ 01/2015 đến 6/2018	Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Bình	Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc
Từ 7/2018 đến nay	Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Bình	Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan

+ Sở hữu cá nhân: 82.700 cổ phần, tỷ lệ 0,84%

+ Sở hữu đại diện: Không

+ Sở hữu của người có liên quan: Không

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Theo quy định của Công ty

- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

1.3. Ông Ngô Văn Tâm - Thành viên Hội đồng quản trị

- Giới tính: Nam

- Số CCCD: 034065004064 Ngày cấp: 28/03/2017 Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

- Ngày sinh: 12/05/1965
- Nơi sinh: Xã Phú Châu, Huyện Đông Hưng, Tỉnh Thái Bình
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: SN20 ngõ 16, phố Ngô Quang Bích, Tổ 22, Phường Tiền Phong, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình.
- Địa chỉ liên hệ: SN20 ngõ 16, phố Ngô Quang Bích, Tổ 22, Phường Tiền Phong, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty cổ phần Nước sạch Thái Bình: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc.
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: không
- Quá trình công tác

Năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 3/1993 đến 09/1996	Công ty Cấp nước Thái Bình	Cán bộ
Từ 10/1996 đến 4/2003	Công ty Cấp nước Thái Bình	Phó Quản đốc phân xưởng
Từ 5/2003 đến 02/2008	Công ty Cấp nước Thái Bình	Đội trưởng Đội xây lắp
Từ 03/2008 đến 12/2009	Công ty Cấp nước Thái Bình	Đội trưởng Đội xây lắp kiêm Giám đốc Xí nghiệp nước Tiên Hải
Từ 01/2010 đến 7/2010	Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch tỉnh Thái Bình	Giám đốc Xí nghiệp Thi công xây lắp kiêm Giám đốc Xí nghiệp nước Tiên Hải
Từ 08/2010 đến 10/2014	Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch tỉnh Thái Bình	Giám đốc Xí nghiệp Thi công xây lắp
Từ 11/2014 đến 12/2014	Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch tỉnh Thái Bình	Phó Giám đốc
Từ 01/2015 đến nay	Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Bình	Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan
 - + Sở hữu cá nhân: 45.000 cổ phần
 - + Sở hữu đại diện: Không
 - + Sở hữu của người có liên quan:

STT	Họ và tên người liên quan	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ngô Văn Minh	Con	3.500	0,03%

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Theo quy định của Công ty
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

1.4. Bà Đỗ Thị Hồng Vân - Thành viên Hội đồng quản trị

- Giới tính: Nữ
- Số CCCD: 034168007126 Ngày cấp: 08/06/2020 Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

- Ngày sinh: 08/06/1968

- Nơi sinh: Xã An Đồng, Huyện Hưng Hà, Tỉnh Thái Bình

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh

- Địa chỉ thường trú: SN14 phố Hoàng Văn Thụ, Tổ 1, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình.

- Địa chỉ liên hệ: SN14 phố Hoàng Văn Thụ, Tổ 1, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình.

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty cổ phần Nước sạch Thái Bình: Thành viên HĐQT; Kế toán trưởng.

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: không

- Quá trình công tác

Năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 7/1989 đến 3/1997	Công ty Cấp nước Thái Bình	Kế toán
Từ 4/1997 đến 6/2003	Công ty Cấp nước Thái Bình	Phó Phòng Tài vụ
Từ 7/2003 đến 12/2009	Công ty Cấp nước Thái Bình	Kế toán trưởng
Từ 01/2010 đến 12/2014	Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch tỉnh Thái Bình	Kế toán trưởng
Từ 01/2015 đến nay	Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Bình	Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan



- + Sở hữu cá nhân: 83.400 cổ phần
- + Sở hữu đại diện: Không
- + Sở hữu của người có liên quan: Không

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Theo quy định của Công ty
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

1.5. Bà Phùng Thị Vân Quỳnh - Thành viên Hội đồng quản trị

- Giới tính: Nữ
- Số CCCD: 034174005815 Ngày cấp: 13/08/2022 Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

- Ngày sinh: 13/08/1974

- Nơi sinh: Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh

- Địa chỉ thường trú: Lô 401 Khu đô thị Kỳ Bá, Tổ 10, Phường Kỳ Bá, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình.

- Địa chỉ liên hệ: Lô 401 Khu đô thị Kỳ Bá, Tổ 10, Phường Kỳ Bá, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình.

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty cổ phần Nước sạch Thái Bình: Thành viên HĐQT; Phó phòng Tài chính kế toán.

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: không

- Quá trình công tác:

Năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 3/1996 đến 9/2004	Công ty Cấp nước Thái Bình	Kế toán
Từ 10/2004 đến 12/2009	Công ty Cấp nước Thái Bình	Phó Phòng Tài vụ
Từ 01/2010 đến 12/2014	Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch tỉnh Thái Bình	Kiểm soát viên, Phó phòng Tài chính kế toán
Từ 01/2015 đến 4/2019	Công ty cổ phần nước sạch Thái Bình	Trưởng BKS, Phó phòng Tài chính kế toán
Từ 05/2019 đến nay	Công ty cổ phần Nước sạch Thái Bình	Thành viên HĐQT, Phó phòng Tài chính kế toán

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan

- + Sở hữu cá nhân: 63.500 cổ phần
- + Sở hữu đại diện: Không
- + Sở hữu của người có liên quan:

STT	Họ và tên người liên quan	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Bùi Trung Kiên	Chồng	12.100	0,12%

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Theo quy định của Công ty
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

2. Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ
01	Hà Thị Hương	Trưởng Ban kiểm soát
02	Trương Đăng Vịnh	Thành viên Ban kiểm soát
03	Trần Thị Thuỳ	Thành viên Ban kiểm soát

Sơ yếu lý lịch của thành viên Ban kiểm soát

2.1. Bà Hà Thị Hương - Trưởng Ban kiểm soát

- Giới tính: Nữ
- Số CMND: 034176002883 Ngày cấp: 29/4/2016 Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- Ngày sinh: 21/08/1976
- Nơi sinh: Xã Kim Trung, Huyện Hưng Hà, Tỉnh Thái Bình
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: SN27 phố Nguyễn Thị Minh Khai, Tổ 8, Phường Bồ Xuyên, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình.
- Địa chỉ liên hệ: SN27 phố Nguyễn Thị Minh Khai, Tổ 8, Phường Bồ Xuyên, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình.
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty cổ phần Nước sạch Thái Bình: Trưởng Ban kiểm soát.
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: không
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:

Năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 10/1996 đến 12/2009	Công ty Cấp nước Thái Bình	Kế toán
Từ 01/2010 đến 12/2014	Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch tỉnh Thái Bình	Kế toán
Từ 01/2015 đến 4/2019	Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Bình	Kế toán
Từ 5/2019 đến 6/2022	Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Bình	Trưởng BKS; Kế toán viên
Từ 7/2022 đến nay	Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Bình	Trưởng BKS

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan
 - + Sở hữu cá nhân: 22.400 cổ phần
 - + Sở hữu đại diện: Không
 - + Sở hữu của người có liên quan:

STT	Họ và tên người liên quan	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Hà Thị Thảo	Chị ruột	6.600	0,07%

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Theo quy định của Công ty
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

2.2. Ông Trương Đăng Vịnh - Thành viên Ban kiểm soát

- Giới tính: Nam
- Số CCCD: 034069011119 Ngày cấp: 10/02/2022 Nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội.
- Ngày sinh: 01/10/1969
- Nơi sinh: Xã Hồng Việt, Huyện Đông Hưng, Tỉnh Thái Bình
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: SN624 phố Lý Bôn, Tổ 20, Phường Kỳ Bá, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình
- Địa chỉ liên hệ: SN624 phố Lý Bôn, Tổ 20, Phường Kỳ Bá, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty cổ phần Nước sạch Thái Bình: Thành viên Ban kiểm soát; Trưởng phòng Quảng lý mạng lưới và chống thất thoát.

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: không
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác

Năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 12/1987 đến 6/1995	Nhà máy Đay Thái Bình	Công nhân
Từ 7/1995 đến 12/2009	Công ty Cấp nước Thái Bình	Công nhân
Từ 01/2010 đến 4/2011	Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch tỉnh Thái Bình	Công nhân
Từ 5/2011 đến 12/2013	Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch tỉnh Thái Bình	Phó phòng Thanh tra bảo vệ
Từ 01/2014 đến 12/2014	Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch tỉnh Thái Bình	Trưởng phòng Thanh tra bảo vệ
Từ 01/2015 đến 8/2018	Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Bình	Thành viên BKS, Trưởng phòng Thanh tra bảo vệ
Từ 9/2018 đến nay	Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Bình	Thành viên BKS, Trưởng phòng Quản lý mạng lưới và chống thất thoát

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan
 - + Sở hữu cá nhân: 10.000 cổ phần
 - + Sở hữu đại diện: Không
 - + Sở hữu của người có liên quan:

STT	Họ và tên người liên quan	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Trương Hải Đăng	Con	4.200	0,04%

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Theo quy định của Công ty
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

2.2. Bà Trần Thị Thuỳ - Thành viên Ban kiểm soát

- Giới tính: Nữ
- Số CMND: 034168021597 Ngày cấp: 13/08/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội.
- Ngày sinh: 08/5/1968
- Nơi sinh: Xã Nam Thịnh, Huyện Tiền Hải, Tỉnh Thái Bình

48
TY
IÂN
ACI
INH
r. TH

- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: SN17.5 KĐT Trần Lãm, Tổ 23, Phường Trần Lãm, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình
- Địa chỉ liên hệ: SN17.5 KĐT Trần Lãm, Tổ 23, Phường Trần Lãm, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán doanh nghiệp
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty cổ phần Nước sạch Thái Bình: Thành viên Ban kiểm soát; Phó phòng Tổ chức hành chính.
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: không
- Quá trình công tác

Năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 1987 đến 1989	Hợp tác xã mua bán xã Nam Thịnh	Kế toán
Từ 1990 đến 11/2000	Hợp tác xã Nông nghiệp xã Nam Thịnh	Kế toán
Từ 12/2000 đến 12/2009	Công ty Cấp nước Thái Bình	Kế toán Xí nghiệp nước Tiền Hải
Từ 01/2010 đến 9/2010	Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch tỉnh Thái Bình	Kế toán Xí nghiệp nước Tiền Hải
Từ 10/2010 đến 9/2014	Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch tỉnh Thái Bình	Phó Giám đốc phụ trách Tài chính - Xí nghiệp nước Tiền Hải
Từ 10/2014 đến 12/2014:	Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch tỉnh Thái Bình	Phó phòng Tổ chức hành chính
Từ 01/2015 đến 4/2021	Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Bình	Phó phòng Tổ chức hành chính
Từ 5/2021 đến nay	Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Bình	Thành viên BKS, Phó phòng Tổ chức hành chính

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan
 - + Sở hữu cá nhân: 31.700 cổ phần
 - + Sở hữu đại diện: Không
 - + Sở hữu của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Theo quy định của Công ty
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

3. Ban Tổng giám đốc

STT	Họ và tên	Chức vụ
01	Trần Văn Đức	Tổng giám đốc
02	Ngô Văn Tâm	Phó Tổng giám đốc
03	Lương Hữu Hưng	Phó Tổng giám đốc
04	Đặng Thế Tường	Phó Tổng giám đốc
05	Đỗ Thị Hồng Vân	Kế toán trưởng

Sơ yếu lý lịch Tổng giám đốc và người quản lý khác

3.1. Ông Trần Văn Đức - Tổng giám đốc

Sơ yếu lý lịch đã trình bày ở phần Thành viên Hội đồng quản trị

3.2. Ông Ngô Văn Tâm - Phó Tổng giám đốc

Sơ yếu lý lịch đã trình bày ở phần Thành viên Hội đồng quản trị

3.3. Ông Lương Hữu Hưng - Phó Tổng giám đốc

- Giới tính: Nam

- Số CMND: 034078024145 Ngày cấp: 14/09/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội.

- Ngày sinh: 24/10/1978

- Nơi sinh: Xã Đồng Tiến, Huyện Quỳnh Phụ, Tỉnh Thái Bình

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh

- Địa chỉ thường trú: Tổ 14, Phường Trần Lãm, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

- Địa chỉ liên hệ: Lô 22/BT1 Khu đô thị Đạm San, Phú Xuân, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư thủy lợi

- Quá trình công tác

Năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 01/2005 đến 7/2006	Công ty TNHH An Bình	Nhân viên kỹ thuật BQL Dự án
Từ 10/2006 đến 3/2007	Công ty cổ phần xây dựng và sản xuất vật liệu	Nhân viên kỹ thuật
Từ 4/2007 đến 12/2009	Công ty Cấp nước Thái Bình	Cán bộ Phòng Kế hoạch kỹ thuật
Từ 01/2010 đến 02/2010	Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch tỉnh Thái Bình	Cán bộ Phòng Kế hoạch kỹ thuật

Năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 3/2010 đến 12/2014	Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch tỉnh Thái Bình	Thành viên Ban kiểm soát, Phó Phòng Kế hoạch kỹ thuật
Từ 01/2015 đến 4/2015	Công cổ phần nước sạch Thái Bình	Thành viên BKS, Phó Phòng Kế hoạch kỹ thuật
Từ 5/2015 đến 9/2020	Công cổ phần nước sạch Thái Bình	Thành viên BKS, Giám đốc Xí nghiệp Thi công xây lắp
Từ 01/10/2020 đến nay	Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Bình	Phó Tổng giám đốc

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan
 - + Sở hữu cá nhân: 31.600 cổ phần
 - + Sở hữu đại diện: Không
 - + Sở hữu của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Theo quy định của Công ty
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

3.4. Ông Đặng Thế Tường - Phó Tổng giám đốc

- Giới tính: Nam
- Số CMND: 034081019222 Ngày cấp: 19/12/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội.
- Ngày sinh: 01/09/1981
- Nơi sinh: Xã Phú Sơn, Huyện Hưng Hà, Tỉnh Thái Bình
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: SN11 đường số 17 Khu đô thị II, Tổ 4, Phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình
- Địa chỉ liên hệ: SN11 đường số 17 Khu đô thị II, Tổ 4, Phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng
- Quá trình công tác

Năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 5/2006 đến 12/2009	Công ty Cấp nước Thái Bình	Cán bộ Phòng Kế hoạch kỹ thuật
Từ 01/2010 đến 02/2010	Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch tỉnh Thái Bình	Cán bộ Phòng Kế hoạch kỹ thuật

Năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 3/2010 đến 12/2014	Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch tỉnh Thái Bình	Phó Phòng Kế hoạch kỹ thuật
Từ 01/2015 đến 04/2015	Công cổ phần nước sạch Thái Bình	Phó Phòng Kế hoạch kỹ thuật
Từ 05/2015 đến 09/2020	Công cổ phần nước sạch Thái Bình	Trưởng phòng Kế hoạch kỹ thuật
Từ 01/10/2020 đến nay	Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Bình	Phó Tổng giám đốc, kiêm Trưởng phòng Kế hoạch kỹ thuật

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan
 - + Sở hữu cá nhân: 33.800 cổ phần
 - + Sở hữu đại diện: Không
 - + Sở hữu của người có liên quan:

STT	Họ và tên người liên quan	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Đặng Văn Thiều	Bố đẻ	3.600	0,03%

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Theo quy định của Công ty
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

4. Kế toán trưởng - Bà Đỗ Thị Hồng Vân

Sơ yếu lý lịch đã trình bày ở phần Thành viên Hội đồng quản trị

5. Kế hoạch tăng cường quản trị công ty

Công tác tăng cường quản trị luôn được Công ty quan tâm và thường xuyên có những điều chỉnh cho phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Sau khi đăng ký Công ty đại chúng, Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Bình sẽ thực hiện đúng các quy định về quản trị áp dụng đối với công ty đại chúng.

6. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Chức vụ tại Công ty	Mối quan hệ	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Nguyễn Thiên Bắc	Chủ tịch HĐQT		SN117 đường Ngô Quyền, Phường Trần Lâm, TP Thái Bình	105.700	1,07%
1.1	Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình		Ủy quyền phân vốn Nhà nước	Đường Lý Thường Kiệt, phường Lê Hồng Phong, TP Thái Bình, tỉnh Thái Bình	6.895.000	70%
1.2	Nguyễn Thiên Kinh	-	Bố đẻ	Đã mất	-	-
1.3	Nguyễn Thị Chinh	-	Mẹ đẻ	Nam Cao, Kiến Xương, Thái Bình	-	-
1.4	Nguyễn Thiên Sử	-	Anh trai	Phường Kỳ Bá, thành phố Thái Bình	-	-
1.5	Nguyễn Thiên Sứ	-	Anh trai	CHRS1101, CC Riverside, 150 Thanh Bình, Hà Đông, Hà Nội	-	-
1.6	Nguyễn Thiên Ruệ	-	Anh trai	Nam Cao, Kiến Xương, Thái Bình	-	-
1.7	Nguyễn Thiên Đô	-	Anh trai	Tổ 4, khu 5A, Cẩm Trung, Cẩm Phá, Quảng Ninh	-	-
1.8	Nguyễn Thị Lam	-	Chị gái	Phường Kỳ Bá, thành phố Thái Bình	-	-
1.9	Phạm Thị Thu	-	Chị dâu	Phường Kỳ Bá, thành phố Thái Bình	-	-
1.10	Trần Thị Phương Thủy	-	Chị dâu	CHRS1101, CC Riverside, 150 Thanh Bình, Hà Đông, Hà Nội	-	-
1.11	Phạm Thị Liên	-	Chị dâu	Nam Cao, Kiến Xương, Thái Bình	-	-
1.12	Vũ Thị Mai Phương	-	Chị dâu	Tổ 4, khu 5A, Cẩm Trung, Cẩm Phá, Quảng Ninh	-	-
1.13	Nguyễn Văn Bình	-	Anh rể	Phường Kỳ Bá, thành phố Thái Bình	-	-
1.14	Phạm Văn Duy	-	Bố vợ	Đã mất	-	-

Bản công bố thông tin Công ty cổ phần Nước sạch Thái Bình

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Chức vụ tại Công ty	Mối quan hệ	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1.15	Nguyễn Thị Hằng	-	Mẹ vợ	Phường Kỳ Bá, thành phố Thái Bình	-	-
1.15	Phạm Thị Huệ	-	Vợ	Số nhà 117, đường Ngô Quyền, phường Trần Lãm, thành phố Thái Bình	-	-
1.16	Nguyễn Thiên Hải Đăng	-	Con trai	Số nhà 117, đường Ngô Quyền, phường Trần Lãm, thành phố Thái Bình	-	-
1.17	Nguyễn Hải Anh	-	Con gái	Số nhà 117, đường Ngô Quyền, phường Trần Lãm, thành phố Thái Bình	-	-
2	Trần Văn Đức	Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc	-	SN558 đường Lê Thánh Tông, Cụm dân cư số 3, Phường Trần Hưng Đạo, TP Thái Bình	82.700	0,84%
2.1	Trần Văn Phụng	-	Bố đẻ	Đã mất	-	-
2.2	Trần Thị Lý	-	Mẹ đẻ	Đã mất	-	-
2.3	Tạ Duy Đắc	-	Bố vợ	SN13/02 Ngõ 475 Lý Bôn, Tổ 115, phường Kỳ Bá, TP Thái Bình	-	-
2.4	Lâm Thị Dung	-	Mẹ vợ	SN13/02 Ngõ 475 Lý Bôn, Tổ 115, phường Kỳ Bá, TP Thái Bình	-	-
2.5	Tạ Thúy Loan	-	Vợ	SN558 đường Lê Thánh Tông, phường Trần Hưng Đạo, TP Thái Bình	-	-
2.6	Trần Khánh Linh	-	Con đẻ	Căn hộ 2308 tòa tháp A khu chung cư 219 đường Trung Kính, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, TP Hà Nội	-	-
2.7	Trần Dưỡng	-	Anh trai	Số nhà 3, ngách 74/40/8, tổ 11 phường Thượng Thanh, quận Long Biên, TP Hà nội	-	-

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Chức vụ tại Công ty	Mối quan hệ	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
2.8	Trần Thái Hiệp	-	Anh trai	Đã mất	-	-
2.9	Trần Thị Nga	-	Chị gái	SN26/3 Tổ 15 Phường Quang Trung, TP Thái Bình	-	-
2.10	Trần Thị Nhâm	-	Chị gái	Thôn Ngừ, xã Liên Hiệp, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình	-	-
2.11	Trần Thị Tâm	-	Chị gái	Số nhà 9, ngách 3 ngõ 17, tổ 4, phường Thăng Lợi, TP Sông Công, tỉnh Thái Nguyên	-	-
2.12	Trần Thị Vân	-	Em gái	Số nhà 44A Khu Minh Tân, thị trấn Vũ Thư, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình	-	-
2.13	Trịnh Văn Quỳnh		Anh rể	Phường Quang Trung, TP Thái Bình, tỉnh Thái Bình		
2.14	Trần Văn Hải		Anh rể	Thôn Ngừ, xã Liên Hiệp, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình		
2.15	Vũ Văn Na		Anh rể	ngách 3 ngõ 17, tổ 4, phường Thăng Lợi, TP Sông Công, tỉnh Thái Nguyên	-	-
3	Ngô Văn Tắm	Thành viên HĐQT, Phó TGD	-	SN 20 ngõ 16, phố Ngô Quang Bích, Tổ 22, Phường Tiền Phong, TP Thái Bình	45.000	0,46%
3.1	Ngô Văn Nít	-	Bố đẻ	Đã mất	-	-
3.2	Nguyễn Thị Thơ	-	Mẹ đẻ	Đã mất	-	-
3.3	Phạm Văn Dâu	-	Bố vợ	Đã mất	-	-
3.4	Lại Thị Sâm	-	Mẹ vợ	Đã mất	-	-
3.5	Phạm Thị Năm	-	Vợ	SN 20 ngõ 16, phố Ngô Quang Bích, Tổ 22, Phường Tiền Phong, TP Thái Bình	-	-
3.6	Ngô Văn Minh	-	Con đẻ	P506, tòa B Chung cư Petro Thăng Long, Tổ 6 P.Quang Trung, TP Thái Bình	3.500	0.03%

Bản công bố thông tin Công ty cổ phần Nước sạch Thái Bình

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Chức vụ tại Công ty	Mối quan hệ	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
3.7	Ngô Hoàng Việt	-	Con đẻ	P701, Tòa Allan1, Khu đô thị Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội	-	-
3.8	Lâm Thị Thu		Con dâu	P506, tòa B Chung cư Petro Thăng Long, Tổ 6 P.Quang Trung, TP Thái Bình		
3.9	Ngô Văn Thắng	-	Anh ruột	Thôn Phạm, Xã Phú Châu, Đông Hưng Thái Bình	-	-
3.10	Quách Thị May	-	Chị dâu	Thôn Phạm, Xã Phú Châu, Đông Hưng, Thái Bình	-	-
3.11	Ngô Thị Lợi	-	Chị ruột	Thôn Phạm, Xã Phú Châu, Đông Hưng, Thái Bình	-	-
3.12	Ngô Thị Lộ	-	Chị ruột	Thôn Cốc, Xã Phú Châu, Đông Hưng Thái Bình	-	-
3.13	Trần Đức Bằng	-	Anh rể	Thôn Cốc, Xã Phú Châu, Đông Hưng Thái Bình	-	-
3.14	Ngô Văn Tịnh	-	Anh ruột	Số 10- dãy 8 TDP9, Trung Văn-Từ Liêm, Hà Nội	-	-
3.15	Ngô Thị Loan	-	Em ruột	TT Lâm sản, Tổ 14, Trung Văn, Từ Liêm, Hà Nội	-	-
3.16	Nguyễn Trí Trường	-	Em rể	TT Lâm sản, Tổ 14, Trung Văn, Từ Liêm, Hà Nội	-	-
4	Đỗ Thị Hồng Vân	Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng	-	SN14 phố Hoàng Văn Thụ, Tổ 1, Phường Lê Hồng Phong, TP Thái Bình	83.400	0,85%
4.1	Đỗ Khắc Mão	-	Bố đẻ	Đã mất		
4.2	Đặng Thị Nguyên	-	Mẹ đẻ	SN 660, phố Lý Bôn P.Kỳ Bá, Tphố Thái Bình, TBình	-	-
4.3	Đặng Huyền Tình	-	Bố chồng	Đã mất	-	-

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Chức vụ tại Công ty	Mối quan hệ	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
4.4	Đặng Thị Hiền	-	Mẹ chồng	SN18, Khu đô thị Trần Lãm TP Thái Bình		
4.5	Đặng Hoàng Hải	-	Chồng	SN 1203D1 chung cư Mandarin Hòa Phát, Cầu Giấy, Hà Nội	-	-
4.6	Đặng Khánh Hà	-	Con đẻ	Chicago, Hoa Kỳ	-	-
4.7	Đặng Gia Đức	-	Con đẻ	SN 1203D1 chung cư Mandarin Hòa Phát, Cầu Giấy, Hà Nội	-	-
4.8	Đỗ Hùng Minh	-	Anh ruột	SN 660, phố Lý Bôn P.Kỳ Bá, TP Thái Bình, tỉnh Thái Bình	-	-
4.9	Đỗ Thị Thanh Xuân	-	Chị ruột	SN 28, tổ 10, P.Quan Hoa, Q.Cầu Giấy, Hà nội	-	-
4.10	Đỗ Thị Kim Xuyên	-	Chị ruột	Đã mất	-	-
4.11	Đỗ Kim Oanh	-	Em ruột	SN 61/09 Tổ 34, Trần Lãm, TP Thái Bình, Tỉnh Thái Bình	-	-
4.12	Đỗ Thị Hoàng Yến	-	Em ruột	Berlin-Gemany	-	-
4.13	Lê Vương Anh	-	Chị dâu	SN 660, phố Lý Bôn, P.Kỳ Bá, Thành phố Thái Bình, Thái Bình	-	-
4.14	Nguyễn Văn Mạo	-	Anh rể	Đã mất	-	-
4.15	Nguyễn Đồng Vinh	-	Anh rể	SN 28, tổ 10, Quan Hoa, Cầu Giấy, Hà Nội	-	-
4.16	Lê Mạnh Cường	-	Em rể	SN61/09 Tổ 34, Trần Lãm, TP Thái Bình, Tỉnh Thái Bình	-	-
5	Phùng Thị Vân Quỳnh	Thành viên HĐQT, PP. TCKT		Lô 401 KĐT Kỳ Bá, Tổ 10, P.Kỳ Bá, TP Thái Bình	63.500	0,64%
5.1	Phùng Văn Phú	-	Bố đẻ	Đã mất	-	-

Bản công bố thông tin Công ty cổ phần Nước sạch Thái Bình

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Chức vụ tại Công ty	Mối quan hệ	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
5.2	Đặng Thị Minh Ngọc	-	Mẹ đẻ	Lô 213 KĐT Kỳ Bá, Tổ 10, P.Kỳ Bá, TP Thái Bình	-	-
5.3	Bùi Hữu Đường	-	Bố chồng	Đã mất	-	-
5.4	Bùi Thị Ngân	-	Mẹ chồng	SN25/04/02 Ngõ Đuan Túc, Trần Quang Khải, Tổ 18, Tiền Phong, TP Thái Bình	-	-
5.5	Bùi Trung Kiên	-	Chồng	Lô 401 KĐT Kỳ Bá, Tổ 10, P.Kỳ Bá, TP Thái Bình	12.100	0,12%
5.6	Bùi Minh Dũng	-	Con đẻ	Lô 401 KĐT Kỳ Bá, Tổ 10, P.Kỳ Bá, TP Thái Bình	-	-
5.7	Bùi Tùng Lâm	-	Con đẻ	Lô 401 KĐT Kỳ Bá, Tổ 10, P.Kỳ Bá, TP Thái Bình	-	-
5.8	Phùng Thị Vân Quý	-	Chị ruột	Tổ 15, Tân Mỹ, Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội	-	-
5.9	Phùng Thị Nga	-	Em ruột	Tổ 14, Hoà An, Cẩm Lệ, Đà Nẵng	-	-
5.10	Phùng Thị Hồng	-	Em ruột	Lô 213 KĐT Kỳ Bá, Tổ 10, P.Kỳ Bá, TP Thái Bình	-	-
5.11	Phùng Văn Minh	-	Em ruột	Lô 213 KĐT Kỳ Bá, Tổ 10, P.Kỳ Bá, TP Thái Bình	-	-
5.12	Bùi Hữu Trực	-	Anh rể	Tổ 15, Tân Mỹ, Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội	-	-
5.13	Vũ Văn Hợp	-	Em rể	QC PKKQ, 63 Lê Văn Lương, Trung Hoà, Cầu Giấy, Hà Nội	-	-
5.14	Đỗ Văn Phước	-	Em rể	Tổ 14, Hoà An, Cẩm Lệ, Đà Nẵng	-	-
6	Hà Thị Hương	Trưởng Ban kiểm soát		SN27 phố Nguyễn Thị Minh Khai, Tổ 8, Phường Bồ Xuyên, TP Thái Bình	22.400	0,23%
6.1	Hà Văn Cháp	-	Bố đẻ	Thôn Trung Thôn, xã Kim Trung, Hưng Hà, Thái Bình	-	-

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Chức vụ tại Công ty	Mối quan hệ	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
6.2	Hà Thị Sáu	-	Mẹ đẻ	Thôn Trung Thôn, xã Kim Trung, Hưng Hà, Thái Bình	-	-
6.3	Tổng Văn Kiểm	-	Bố chồng	Tổ 1 phường Hoàng Diệu, TP Thái Bình	-	-
6.4	Phạm Thị Lãm	-	Mẹ chồng	Tổ 1 phường Hoàng Diệu, TP Thái Bình	-	-
6.5	Tổng Minh Khương	-	Chồng	SN27 phố Nguyễn Thị Minh Khai, Tổ 8, P. Bồ Xuyên, TP Thái Bình	-	-
6.6	Tổng Minh Vương	-	Con đẻ	SN27 phố Nguyễn Thị Minh Khai, Tổ 8, P. Bồ Xuyên, TP Thái Bình	-	-
6.7	Tổng Hà Bảo Anh	-	Con đẻ	SN27 phố Nguyễn Thị Minh Khai, Tổ 8, P. Bồ Xuyên, TP Thái Bình	-	-
6.8	Hà Thị Hường	-	Chị ruột	Thôn 4, xã Vũ Quý, Kiến Xương, Thái Bình	-	-
6.9	Hà Thị Thảo	-	Chị ruột	SN404 phố Trần Hưng Đạo, tổ 10, P. Trần Hưng Đạo, TP Thái Bình	6.600	0,07%
6.10	Hà Thị Bích	-	Em ruột	SN 2/4 ngõ 289 tổ 12 phường Kỳ Bá, TP Thái Bình	-	-
6.11	Hà Thị Vân	-	Em ruột	Tổ 6 phường Bồ Xuyên, TP Thái Bình	-	-
6.12	Hà Thị Chiên	-	Em ruột	SN 09/289, tổ 11, P. Kỳ Bá, TP Thái Bình	-	-
6.13	Nguyễn Thái Học	-	Anh rể	Thôn 4, xã Vũ Quý, Kiến Xương, Thái Bình	-	-
6.14	Hoàng Duy Tân	-	Anh rể	SN404 phố Trần Hưng Đạo, tổ 10, P. Trần Hưng Đạo, TP Thái Bình	-	-
6.15	Lưu Quang Hường	-	Em rể	SN 2/4 ngõ 289 tổ 12 phường Kỳ Bá, TP Thái Bình	-	-

Bản công bố thông tin Công ty cổ phần Nước sạch Thái Bình

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Chức vụ tại Công ty	Mối quan hệ	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
6.16	Đặng Đức Thành	-	Em rể	Tổ 6 phường Bồ Xuyên, TP Thái Bình	-	-
6.17	Phạm Anh Tuấn	-	Em rể	SN 09/289, tổ 11, P. Kỳ Bá, TP Thái Bình	-	-
7	Trương Đăng Vịnh	Thành viên BKS		SN624 phố Lý Bôn, Tổ 20, Phường Kỳ Bá, TP Thái Bình	10.000	0,1%
7.1	Trương Đăng Hòa	-	Bố đẻ	Đã mất	-	-
7.2	Lương Thị Đào	-	Mẹ đẻ	SN 622, tổ 20, phường Kỳ Bá, Thành Phố Thái Bình	-	-
7.3	Huỳnh Long Vân	-	Bố vợ	Đã mất	-	-
7.4	Đào Thị Cừu	-	Mẹ vợ	Đã mất	-	-
7.5	Huỳnh Thị Thanh Thu	-	Vợ	SN 624 phố Lý Bôn, tổ 20, phường Kỳ Bá, Thành phố Thái Bình	-	-
7.6	Trương Hải Đăng	-	Con đẻ	SN 624 phố Lý Bôn, tổ 20, phường Kỳ Bá, Thành phố Thái Bình	4.200	0,04%
7.7	Trương Huỳnh Hải Nam	-	Con đẻ	SN 624 phố Lý Bôn, tổ 20, phường Kỳ Bá, Thành phố Thái Bình	-	-
7.8	Trương Đăng Minh	-	Anh trai	SN 622 phố Lý Bôn, tổ 20, phường Kỳ Bá, Thành phố Thái Bình	-	-
7.9	Trương Thị Thoan	-	Chị gái	SN 04 ngõ 262, tổ 13 phường Quang Trung, TP Thái Bình	-	-
7.10	Trương Thị Hoa	-	Chị gái	Số nhà 03 ngõ 23, tổ 7, Kỳ Bá TP Thái Bình	-	-
7.11	Phùng Thị Liên	-	Chị dâu	SN 622 phố Lý Bôn, tổ 20, phường Kỳ Bá, Thành phố Thái Bình	-	-



STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Chức vụ tại Công ty	Mối quan hệ	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
7.12	Trần Việt Định	-	Anh rể	Đã mất	-	-
8	Trần Thị Thuý	Thành viên BKS		SN17.5 KĐT Trần Lãm, Tổ 23, Phường Trần Lãm, TP Thái Bình	31.700	0,32%
8.1	Trần Quang Tứ	-	Bố đẻ	Đã mất	-	-
8.2	Đinh Thị Út	-	Mẹ đẻ	Đã mất	-	-
8.3	Phạm Đức Hòa	-	Bố chồng	Đã mất	-	-
8.4	Phan Thị Hén	-	Mẹ chồng	Đã mất	-	-
8.5	Phạm Văn Xuyên	-	Chồng	Lô 17.5 Nguyễn Đình Chính, Tổ 23, P.Trần Lãm, TP Thái Bình	-	-
8.6	Phạm Thành Trung	-	Con đẻ	Lô 17.5 Nguyễn Đình Chính, Tổ 23, P.Trần Lãm, TP Thái Bình	-	-
8.7	Phạm Tú Uyên	-	Con đẻ	Lô 17.5 Nguyễn Đình Chính, Tổ 23, P.Trần Lãm, TP Thái Bình	-	-
8.8	Trần Thị Thúy	-	Chị ruột	Ngõ 38/23, Xuân La, Tây Hồ, Hà Nội	-	-
8.9	Trần Minh Thuận	-	Anh ruột	KĐT Văn Phú, Phú La, Hà Đông, Hà Nội	-	-
8.11	Trần Trung Thuận	-	Anh ruột	Thôn Hợp Châu, Nam Thịnh, Tiền Hải, Thái Bình	-	-
8.12	Trần Thị An	-	Em ruột	Tổ 1, Thanh Trì, Hoàng Mai, Hà Nội	-	-
8.13	Hoàng Ngọc Thịnh	-	Anh rể	Ngõ 38/23, Xuân La, Tây Hồ, Hà Nội	-	-
8.14	Nguyễn Thị Bích Nga	-	Chị dâu	KĐT Văn Phú, Phú La, Hà Đông, Hà Nội	-	-
8.15	Phạm Quốc Trịnh	-	Anh rể	Nam Cường, Tiền Hải, Thái Bình	-	-
8.16	Nguyễn Thị Lý	-	Chị dâu	Thôn Hợp Châu, Nam Thịnh, Tiền Hải, Thái Bình	-	-

Bản công bố thông tin Công ty cổ phần Nước sạch Thái Bình

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Chức vụ tại Công ty	Mối quan hệ	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
8.17	Hoàng Đức Dũng	-	Em rể	Tổ 1, Thanh Trì, Hoàng Mai, Hà Nội	-	-
9	Lương Hữu Hưng	Phó Tổng giám đốc		L22/BT1 Khu đô thị Damsan, Phú Xuân, TP Thái Bình	31.600	0,32%
9.1	Lương Hữu Tập	-	Bố đẻ	Đã mất	-	-
9.2	Phạm Thị Hiệp	-	Mẹ đẻ	L22/BT1, Khu ĐT Damsan, Phú Xuân, TP Thái Bình	-	-
9.3	Lê Văn Hiến	-	Bố vợ	Số 02/10/tổ 02, P.Bồ Xuyên, TP Thái Bình	-	-
9.4	Đặng Thị Nhung	-	Mẹ vợ	Số 02/10/tổ 02, P.Bồ Xuyên, TP Thái Bình	-	-
9.5	Lê Thị Thu Hằng	-	Vợ	L22/BT1, Khu ĐT Damsan, Phú Xuân, TP Thái Bình	-	-
9.6	Lương Nguyên Phúc	-	Con đẻ	L22/BT1, Khu ĐT Damsan, Phú Xuân, TP Thái Bình	-	-
9.7	Lương Tuệ Minh	-	Con đẻ	L22/BT1, Khu ĐT Damsan, Phú Xuân, TP Thái Bình	-	-
9.8	Lương Hải Nam	-	Con đẻ	L22/BT1, Khu ĐT Damsan, Phú Xuân, TP Thái Bình	-	-
9.10	Lương Hữu Hường	-	Em ruột	Chung cư 16B, Nguyễn Thái Học, Yết Kiêu, Hà Đông, Hà Nội	-	-
9.11	Nguyễn Thị Thanh	-	Em dâu	Chung cư 16B, Nguyễn Thái Học, Yết Kiêu, Hà Đông, Hà Nội	-	-
10	Đặng Thế Tường	Phó Tổng giám đốc		SN11 đường số 17, KĐT II, Phường Trần Hưng Đạo, TP Thái Bình	33.800	0,34%
10.1	Đặng Văn Thiều	-	Bố đẻ	Số nhà 11 đường số 17 KĐT II, tổ 4, phường Trần Hưng Đạo, TP Thái Bình	3.600	0,03%

4853
 3 TY
 HÂN
 SACH
 BINH
 T. THAI B

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Chức vụ tại Công ty	Mối quan hệ	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
10.2	Vũ Thị Thơ	-	Mẹ đẻ	Số nhà 11 đường số 17 KĐT II, tổ 4, phường Trần Hưng Đạo, TP Thái Bình	-	-
10.3	Đặng Đình Hoàng	-	Bố vợ	Số nhà 18, ngõ 80, Phạm Ngọc Thạch, Đống Đa, Hà Nội	-	-
10.4	Đặng Thị Tuyết	-	Mẹ vợ	Số nhà 18, ngõ 80, Phạm Ngọc Thạch, Đống Đa, Hà Nội	-	-
10.5	Đặng Diệu Hương	-	Vợ	Số nhà 11 đường số 17 KĐT II, tổ 4, phường Trần Hưng Đạo, TP Thái Bình	5.500	0,05%
10.6	Đặng Hồng Ngân	-	Con đẻ	Số nhà 11 đường số 17 KĐT II, tổ 4, phường Trần Hưng Đạo, TP Thái Bình	-	-
10.7	Đặng Thủy Chi	-	Con đẻ	Số nhà 11 đường số 17 KĐT II, tổ 4, phường Trần Hưng Đạo, TP Thái Bình	-	-
10.8	Đặng Thị Thu	-	Em ruột	Đã mất	-	-

7. Thống kê các giao dịch giữa công ty với người có liên quan theo quy định
Không có

Thái Bình, ngày 20 tháng 12 năm 2023

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CÔNG TY ĐẠI CHỨNG
CHỦ TỊCH HĐQT**



Nguyễn Thiên Bắc